

TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM CỦA NÔNG DÂN BỊ TÁCH BIỆT XÃ HỘI VỀ KINH TẾ Ở MỘT SỐ TỈNH TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ KHUYẾN NGHỊ

MAI NGỌC ANH*

Nông dân bị tách biệt xã hội về kinh tế là thuật ngữ dùng để chỉ những người có thu nhập thấp hơn 60% mức thu nhập bình quân của cộng đồng nông thôn. Bài viết này đi sâu phân tích thực trạng việc làm của các nông dân bị tách biệt xã hội về kinh tế dựa trên các tiêu chí dân tộc, khu vực sống, học vấn của chủ hộ và số nhân khẩu của hộ dựa vào bộ số liệu điều tra của đề tài I3.3-2010.08, từ đó đưa ra một số gợi ý chính sách nhằm cải thiện tình trạng việc làm của nông dân bị tách biệt xã hội về kinh tế, từ đó nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện sống cho nhóm đối tượng này trong giai đoạn tới. Đây là công trình nghiên cứu được tài trợ thực hiện từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia Việt Nam - NAFOSTED.

1. Tình trạng làm việc của các nông hộ bị tách biệt xã hội về kinh tế tại 5 tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc

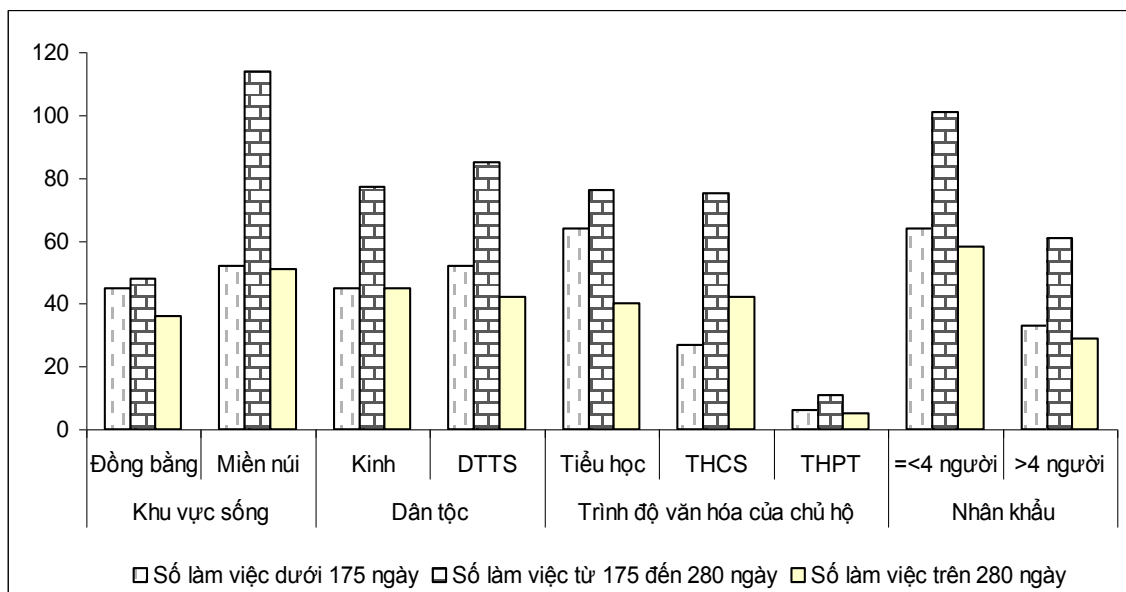
1.1. Về thời gian làm việc

Khi so sánh thời gian làm việc của chủ nông hộ bị tách biệt xã hội về kinh tế theo các tiêu chí ta thấy, số ngày làm việc của các chủ hộ bị tách biệt xã hội về kinh tế người miền núi cao hơn so với chủ hộ cũng trong tình trạng này nhưng sống ở vùng đồng bằng; thời gian tham gia vào thị trường lao động của chủ hộ người dân tộc thiểu số cao hơn so với chủ hộ người Kinh trong năm điều tra; số ngày dành cho hoạt động sản xuất của chủ lao động thuộc hộ đông người nhiều hơn so với chủ lao động trong những hộ ít người; tình trạng tương tự khi ta xem xét giữa chủ hộ có trình độ văn hóa thấp với chủ hộ có trình độ văn hóa cao. Điều ngược lại diễn ra với khi xem xét số ngày làm việc của chủ hộ bị tách biệt xã hội nhưng sống ở khoảng phân vị thứ 3 (nhóm thu nhập trung bình) trong khu vực nông thôn theo tiêu chí dân tộc và nhân khẩu.

Hình 1: Thời gian làm việc của chủ hộ bị tách biệt

* TS, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

xã hội về kinh tế theo các tiêu chí¹



Nguồn: Kết quả điều tra của đề tài I3.3.2010.08 được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia Việt Nam - NAFOSTED.

1.2. Về tình trạng việc làm

Đối với tình trạng việc làm của nông hộ bị tách biệt xã hội về kinh tế theo 4 nhóm tiêu chí ta thấy, nông hộ bị tách biệt xã hội về kinh tế khu vực miền núi gặp khó khăn về việc làm hơn so với nông hộ khu vực miền xuôi bị rơi vào tình trạng này. Gần 50% lao động bị tách biệt xã hội về kinh tế ở khu vực miền núi ở trong tình trạng có ít và rất ít việc làm, trong khi đó tỷ lệ này ở khu vực đồng bằng chỉ khoảng 22%. Tình trạng khó khăn về việc làm xảy ra tương tự khi ta xem xét giữa nhóm nông hộ người kinh với nông hộ người dân tộc thiểu số, nông hộ ít người với nông hộ đông nhân khẩu bị tách biệt xã hội về kinh tế. Trình độ văn hóa của chủ hộ cũng quyết định đến tình trạng việc làm của nông hộ bị tách biệt xã hội về kinh tế. Chủ nông hộ có trình độ văn hóa cao, khó khăn hạn chế về việc làm giảm và điều ngược lại xảy ra với những chủ nông hộ có trình độ văn hóa thấp.

Bảng 1. Tình trạng việc làm của nông dân bị tách biệt xã hội về kinh tế theo các nhóm tiêu chí

¹ Số ngày làm việc trung bình của lao động nông thôn là 280 ngày/năm, còn số ngày làm việc tối thiểu của lao động bị rơi vào tình trạng tách biệt xã hội về kinh tế là 175 ngày/năm

		Tình trạng việc làm của lao động bị TBXH về kinh tế (số người trả lời)				Tỷ lệ lao động có việc làm so với toàn mẫu điều tra (725 hộ được điều tra)			
		Rất ít	Ít	TB	> TB	Rất ít	Ít	TB	>TB
Vùng sống	Đồng bằng	21	64	36	5	5,9%	17,9%	10,1%	1,4%
	Miền núi	85	89	52	6	23,7%	24,9%	14,5%	1,7%
Dân tộc	Kinh	45	71	54	3	12,6%	19,8%	15,1%	0,8%
	DTTS	61	82	34	8	17,0%	22,9%	9,5%	2,2%
Văn hóa chủ hộ	Tiểu học	53	76	47	3	14,8%	21,2%	13,1%	0,8%
	THCS	46	67	34	8	12,8%	18,7%	9,5%	2,2%
	THPT	7	10	7	0	2,0%	2,8%	2,0%	0,0%
Nhân khẩu	< 4 người	70	99	60	7	19,6%	27,7%	16,8%	2,0%
	> 4 người	36	54	28	4	10,1%	15,1%	7,8%	1,1%

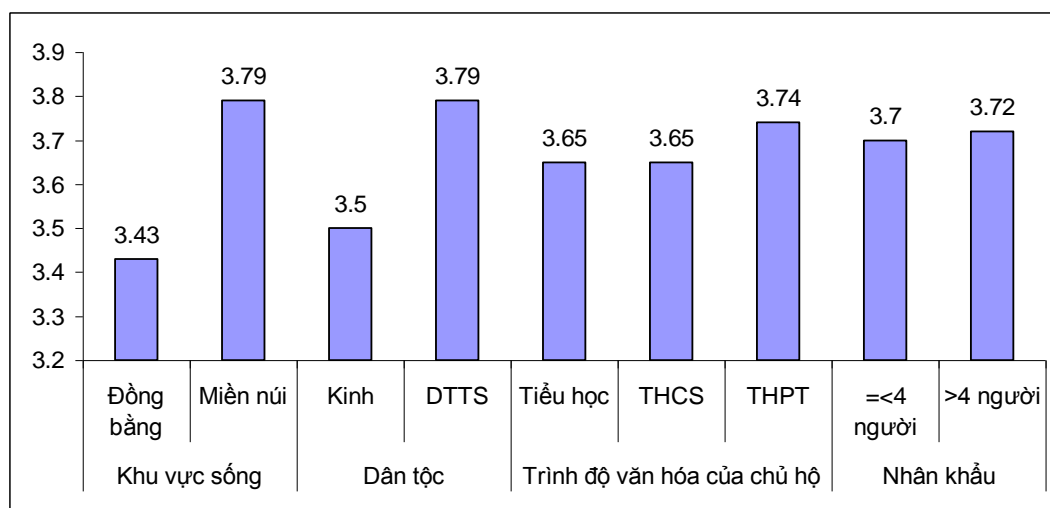
Nguồn: Kết quả điều tra của đề tài I3.3.2010.08 được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia Việt Nam - NAFOSTED.

2. Các yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng việc làm của nông dân bị tách biệt xã hội về kinh tế tại 5 tỉnh trung du và miền núi phía Bắc

2.1. Về điều kiện tự nhiên và thời tiết

Những đối tượng được điều tra có những nhận định khác nhau về tác động điều kiện tự nhiên, thời tiết đến tình trạng việc làm của họ. Trong khi lao động có trình độ học vấn cao, lao động là người dân tộc thiểu số, lao động sống ở miền núi cho rằng tác động từ điều kiện tự nhiên và thời tiết đến tình trạng việc làm của họ thường cao hơn so với đánh giá của lao động người kinh, lao động sống ở khu vực đồng bằng và lao động có trình độ văn hóa thấp. Người ta ít nhận thấy sự khác biệt trong cách đánh giá về tác động từ điều kiện tự nhiên và thời tiết đến tình trạng việc làm người nông dân theo tiêu chí nhân khẩu.

Hình 2. Tác động từ điều kiện tự nhiên và thời tiết đến tình trạng việc làm của nông hộ bị tách biệt xã hội về kinh tế

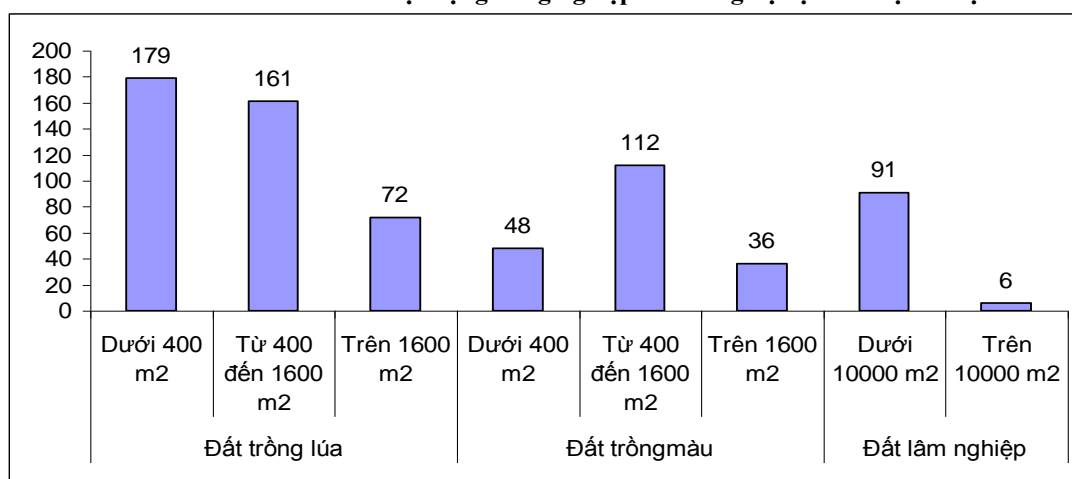


Nguồn: Kết quả điều tra của đề tài I3.3.2010.08 được tài trợ bởi Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia Việt Nam - NAFOSTED.

2.2. Về đất cho sản xuất nông nghiệp của nông hộ

Kết quả điều tra về diện tích đất phục vụ cho trồng trọt nông nghiệp hàng năm cho thấy, hơn 2/3 nông hộ tách biệt xã hội về kinh tế cho biết tổng diện tích đất nông nghiệp mà gia đình họ có được để trồng cây nông nghiệp hàng năm dưới 1600m². Nói cách khác hơn 2/3 số nông hộ bị tách biệt xã hội ở trong tình trạng mỗi thành viên trong hộ trung bình chỉ có dưới 1 sào đất cho hoạt động nông nghiệp; khoảng 1/3 số nông hộ bị tách biệt xã hội ở trong tình trạng có trên 1600m² đất để trồng cây nông nghiệp hàng năm. Tình trạng tương tự đối với các nông hộ bị tách biệt xã hội về kinh tế trong sở hữu đất trồng màu.

Hình 3. Tình hình sở hữu đất cho hoạt động nông nghiệp của nông hộ bị tách biệt xã hội về kinh tế



Nguồn: Kết quả điều tra của đề tài I3.3.2010.08 được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia Việt Nam - NAFOSTED.

Theo kết quả điều tra, nông hộ bị tách biệt xã hội về kinh tế vùng đồng bằng có ít đất để phát triển nông nghiệp hơn so với những nông hộ bị tách biệt xã hội về kinh tế sống ở miền núi, nông hộ người Kinh bị tách biệt xã hội về kinh tế sở hữu nhiều đất cho phát triển nông

nh nghiệp hơn nông hộ người dân tộc thiểu số ở trong tình trạng này. Ngoài ra, nông hộ có đông nhân khẩu lại ít đất so với hộ có ít nhân khẩu trong phát triển nông nghiệp.

Trong việc sở hữu đất ta thấy, phần lớn các nông hộ chỉ có thể sở hữu đến 1600 m² khoảng 4 sào Bắc Bộ cho phát triển nông nghiệp. Điều này dẫn đến tình trạng nhiều nông hộ, trung bình một thành viên trong gia đình không có được 1 sào đất nông nghiệp để tạo ra lương thực nhằm duy trì cuộc sống hàng năm. Việc sở hữu đất lâm nghiệp cũng bị hạn chế bởi số hộ có diện tích đất cho phát triển lâm nghiệp dưới 1ha vượt trội so với số nông hộ sở hữu hơn 1 ha đất trồng rừng.

Bảng 2. Tình hình sở hữu đất cho hoạt động nông nghiệp của nông hộ bị tách biệt xã hội về kinh tế theo các nhóm tiêu chí

Đơn vị: hộ

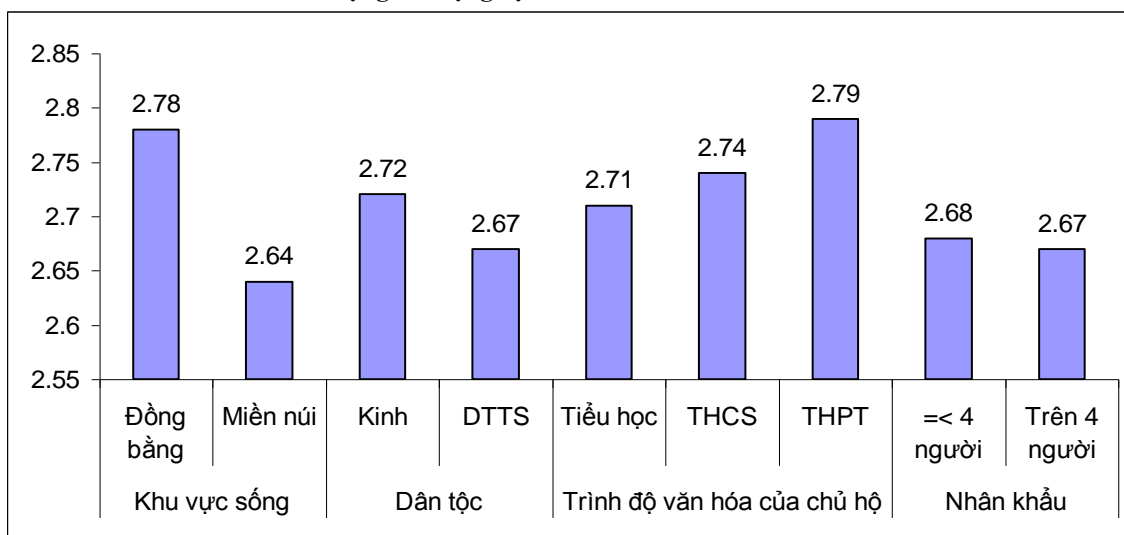
		Khu vực sống		Dân tộc		Trình độ văn hóa của chủ hộ			Nhân khẩu	
		Đồng bằng	Miền núi	Kinh	DTTS	Tiểu học	THCS	THPT	< 4 người	< 4 người
Đất trồng lúa	Dưới 400 m ²	57	122	93	86	102	69	8	93	86
	Từ 400 đến 1600 m ²	61	100	81	80	77	69	15	144	17
	Trên 1600 m ²	33	47	42	38	37	38	5	43	37
Đất trồng màu	Dưới 400 m ²	23	25	21	27	21	26	1	30	18
	Từ 400 đến 1600 m ²	41	71	59	53	62	40	10	90	22
	Trên 1600 m ²	14	22	20	16	17	14	5	28	8
Đất lâm nghiệp	Dưới 10000 m ²	25	66	47	44	42	45	4	69	22
	Trên 10000 m ²	3	3	5	1	1	4	1	3	3

Nguồn: Kết quả điều tra của đề tài I3.3.2010.08 được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia Việt Nam - NAFOSTED.

2.3. Về tình trạng sức khỏe của lao động nông dân

Các đối tượng được điều tra cho rằng tình trạng sức khỏe của họ khi tham gia vào thị trường lao động thật sự không tốt. Nhìn chung sức khỏe của nhóm lao động bị rơi vào tình trạng tách biệt xã hội về kinh tế theo quan điểm của đối tượng trả lời phỏng vấn là ở dưới của mức sức khỏe trung bình tại cộng đồng khi tham gia vào thị trường lao động. Qua đánh giá về tình trạng sức khỏe của lao động của những hộ bị tác biệt xã hội về kinh tế, ta thấy sức khỏe của người Kinh nhỉnh hơn người dân tộc thiểu số, người sống ở vùng đồng bằng tốt hơn lao động sống ở miền núi, dân trí càng cao thì tình trạng sức khỏe của họ dường như tốt hơn so với nhóm còn lại.

Hình 4. Tình trạng sức khỏe khi tham gia vào thị trường lao động của nhóm đối tượng lao động bị TBXH về kinh tế theo các nhóm tiêu chí



Nguồn: Kết quả điều tra của đề tài I3.3.2010.08 được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia Việt Nam - NAFOSTED.

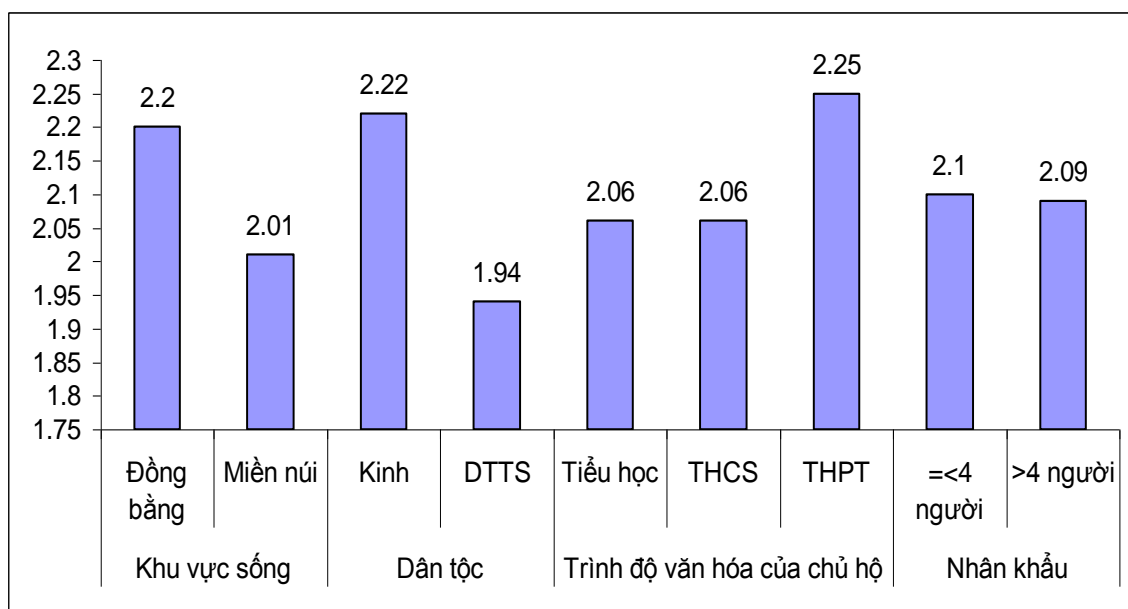
2.4. Về trình độ công nghệ được nông dân sử dụng

Trong số 356 hộ bị tách biệt xã hội về kinh tế trả lời điều tra thì có đến 70% nông hộ nhận định trình độ công nghệ mà họ có thể áp dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày ở mức dưới trung bình. Thậm chí 1/3 trong tổng số nông hộ bị tách biệt xã hội về kinh tế cho rằng trình độ công nghệ mà họ áp dụng vào sản xuất ở mức rất kém và lạc hậu và không có nông hộ bị tách biệt xã hội nào nhận định họ đang áp dụng những công nghệ tiên tiến, hiện đại vào hoạt động sản xuất.

So sánh về mức độ khoa học công nghệ mà các nông hộ bị tách biệt xã hội về kinh tế áp dụng vào hoạt động sản xuất theo các tiêu chí về khu vực sống, dân tộc, trình độ văn hóa của chủ hộ và nhân khẩu ta thấy, đối với tiêu chí nhân khẩu học, người ta rất khó xác định chính xác nông hộ nào ở trong tình trạng tách biệt xã hội về kinh tế có khả năng áp dụng công nghệ cao hơn vào sản xuất. Còn lại, theo cách đánh giá của các nông hộ bị tách biệt xã hội về kinh tế, người ta thấy rằng dù công nghệ của các hộ bị tách biệt xã hội về kinh tế nhìn chung là kém và lạc hậu, tuy nhiên, so với khu vực đồng bằng trình độ công nghệ của khu vực miền núi thấp hơn; trình độ công nghệ của người dân tộc thiểu số không bằng của người Kinh; công nghệ mà các chủ hộ có trình độ văn hóa cao nhìn chung cao hơn so với nhóm chủ hộ có trình độ văn hóa thấp.

Hình 5. Đánh giá về tình trạng công nghệ khi tham gia vào hoạt động sản xuất của nhóm nông hộ bị tách biệt xã hội về kinh tế theo các nhóm tiêu chí²

² Điểm đánh giá ở gần 1 đồng nghĩa với trình độ công nghệ được sử dụng trong gia đình ở tình trạng rất kém và lạc hậu, ngược lại khi điểm đánh giá gần 5 nghĩa là trình độ công nghệ được sử dụng trong gia đình ở tình trạng tiên tiến, cập nhật nhất.



Nguồn: Kết quả điều tra của đề tài I3.3.2010.08 được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia Việt Nam - NAFOSTED.

2.5. Về chính sách

Khi nhìn vào đánh giá của đối tượng lao động nông dân bị tách biệt xã hội về kinh tế theo các tiêu chí khu vực, dân tộc, học vấn và nhân khẩu ta thấy, người đồng bằng cho rằng việc triển khai các chính sách có hiệu quả tích cực đến tình trạng việc làm hơn so với đánh giá của lao động bị tách biệt xã hội về kinh tế ở miền núi, kết quả tương tự khi ta nhìn vào nhóm dân tộc thiểu số và nhóm người Kinh đánh giá đối với vấn đề này. Căn cứ theo tiêu chí trình độ văn hóa của chủ hộ và nhân khẩu của hộ thì người ta không nhận thấy xu thế chung nào trong đánh giá của những nhóm đối tượng này khi nhìn nhận tác động của việc triển khai các chính sách của chính quyền trung ương, địa phương đến tình trạng việc làm cho lao động của nông dân bị tách biệt xã hội về kinh tế.

Bảng 3. Hiệu quả trong triển khai chính sách hỗ trợ nông dân tiếp cận tới thị trường lao động của nông hộ bị tách biệt xã hội về kinh tế theo các tiêu chí

	Khu vực sống		Dân tộc		Trình độ văn hóa của chủ hộ			Nhân khẩu	
	Đồng bằng	Miền núi	Kinh	DTTS	Tiểu học	THCS	THPT	Dưới 4 người	Trên 4 người
Hỗ trợ về đất đai sản	3,48	2,93	3,05	3,20	3,19	3,06	2,96	2,96	3,45

xuất									
Hỗ trợ về tín dụng đối với nông dân	3,43	3,18	3,23	3,32	3,36	3,13	3,46	3,33	3,26
Hỗ trợ về đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, thủy lợi	3,36	2,78	2,92	3,07	2,98	2,97	3,23	2,90	3,16
Hỗ trợ về hỗ trợ, tạo việc làm cho nông dân	2,78	2,43	2,54	2,57	2,56	2,56	2,44	2,58	2,50
Hỗ trợ ứng dụng kỹ thuật, giống cây trồng, vật nuôi	3,2	3,01	2,98	3,19	3,19	2,94	3,15	3,01	3,22
Hỗ trợ phát triển các vùng chuyên canh, thâm canh	2,69	2,25	2,36	2,45	2,42	2,39	2,31	2,35	2,31
Hỗ trợ giá nông sản phẩm	2,55	2,26	2,26	2,48	2,37	2,36	2,31	2,20	2,18
Hỗ trợ giá vật tư, phân bón phục vụ sản xuất	2,94	2,68	2,59	2,97	2,78	2,77	2,77	2,69	2,94
Hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm	2,71	2,29	2,42	2,46	2,45	2,43	2,42	2,40	2,32
Hỗ trợ thuế, phí các khoản đóng góp cho sản xuất	3,56	2,95	3,15	3,19	3,24	3,13	2,85	3,11	3,29
Hỗ trợ về đào tạo nghề cho nông dân	2,76	2,53	2,59	2,64	2,61	2,61	2,60	2,58	2,68
Hỗ trợ xóa đói giảm nghèo	3,68	3,57	3,55	3,68	3,62	3,60	3,58	3,52	3,78

Nguồn: Kết quả điều tra của đề tài I3.3.2010.08 được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia Việt Nam - NAFOSTED.

3. Một số khuyến nghị nhằm nâng cao tình trạng việc làm của nông dân bị tách biệt xã hội về kinh tế trong giai đoạn tới

Thứ nhất, đối với vốn đầu tư

Do suất đầu tư trên một ha đất canh tác, trên một đầu gia súc, gia cầm, hiện nay còn thấp, do đó lợi nhuận thu được từ các khoản đầu tư này chưa cao. Trong giai đoạn tới người nông dân nói chung nông dân bị tách biệt xã hội nói riêng cần được khuyến khích, tạo điều kiện để tăng mức đầu tư từ 50 đến 100 triệu đồng/ha. Chính phủ, do đó, cần có cơ chế để các ngân hàng, đặc biệt là ngân hàng chính sách có thể nâng mức cho vay đối với hộ nông dân

có nhu cầu mở rộng sản xuất. Còn đối với những nông hộ đang gặp khó khăn, chưa trả được các khoản vay bởi các rủi ro từ thiên tai, dịch bệnh... Chính phủ nên có các biện pháp hỗ trợ nông dân trong việc kéo dài thời gian trả nợ để họ yên tâm tiếp tục tiến hành sản xuất.

Thứ hai, đối với trình độ công nghệ

Chính phủ cần chú trọng đến phát triển khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp theo chiều sâu, lấy chất lượng và nhu cầu thực tiễn làm thước đo. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng cần có cơ chế khuyến khích người nông dân và doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp như khen thưởng, giảm thuế...

Thứ ba, đối với giáo dục, đào tạo

Chính phủ nên tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền lợi ích của giáo dục, đặc biệt là đối với nhóm đối tượng nông dân bị tách biệt xã hội về kinh tế, giúp họ nhận thức được giáo dục như là tiền đề tiên quyết để có thể tiếp thu tri thức, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ nhằm nâng cao chất lượng lao động nông nghiệp và nông thôn. Để làm được điều này, một mặt Chính phủ tiếp tục đầu tư mở trường dân tộc nội trú, mở trường học cấp khu vực ở những vùng sâu, vùng xa, vùng có đồng bào dân tộc thiểu số nhằm thu hút nhiều hơn nữa con em của những gia đình sống ở khu vực này đến trường, và hạn chế khả năng không bỏ học giữa chừng ở nhóm đối tượng này; nhưng mặt khác, chính sách thu hút giáo viên về nông thôn/vùng sâu, vùng xa cũng cần phải có những điều chỉnh hợp lý, đặc biệt là tiền lương. Chúng tôi cho rằng, trong giai đoạn tới, tiền lương đối với giáo viên ở khu vực nông thôn nên được điều chỉnh sao cho đội ngũ giáo viên có khả năng đảm bảo được cuộc sống dựa trên tiền lương nhận được hàng tháng.

Đối với những người lớn tuổi nhưng khả năng đọc và viết là chưa có hoặc chưa thành thạo, thì cần đẩy mạnh sự phát triển của các trung tâm học tập cộng đồng. Tuy nhiên, chương trình học cho nhóm đối tượng này không chỉ dừng lại ở việc xóa mù mà khi triển khai những chương trình này, chính quyền địa phương có thể lồng ghép các phương thức giáo dục với các chính sách giảm nghèo và các phương thức tăng thêm thu nhập cho gia đình thông qua các hình thức làm việc. Sự kết hợp giữa trung tâm học tập cộng đồng với đội ngũ cán bộ khuyến nông sẽ thu hút được nhiều người chưa biết chữ, hoặc ở trong tình trạng tái mù chữ hứng thú đến theo học, và có khả năng áp dụng trực tiếp phương học vấn, công nghệ vào hoạt động sản xuất thường nhật của họ.

Thứ tư, Chính sách đất đai

Chính sách đối với đất nông nghiệp cần phải tiếp tục được hoàn thiện để tạo điều kiện cho người dân yên tâm trong sản xuất. Theo đó, trong giai đoạn tới Nhà nước thống nhất quản lý theo quy hoạch, kế hoạch để sử dụng có hiệu quả, phát huy cơ chế thị trường, để quyền sử dụng đất trở thành hàng hóa trên thị trường, trở thành nguồn vốn đầu tư cho sản xuất kinh doanh. Nông dân cần được mở rộng hạn mức diện tích sử dụng đất canh tác trong phạm vi trực canh; được giao sử dụng lâu dài đất nông nghiệp; được tạo điều kiện thuận lợi cho việc dồn điền đổi thửa và tích tụ đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp, hạn chế việc chia tách làm manh mún đất canh tác nông nghiệp. Theo đó,

đất nông nghiệp được giao cho hộ gia đình nông dân có nhu cầu quản lý sử dụng lâu dài. Còn lại, đối với những trường hợp đất nông nghiệp được nhà nước thu hồi để chuyển sang các mục đích khác, nhà nước nên tiến hành xác định giá trị đất đai theo cơ chế thị trường nhằm đảm bảo hài hòa quyền lợi của người sử dụng đất, của nhà đầu tư và nhà nước trong quá trình giải tỏa thu hồi đất.

Tài liệu trích dẫn

Mai Ngọc Anh. 2012. Kết quả điều tra của đề tài I3.3.2010.08 được tài trợ bởi Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia Việt Nam - NAFOSTED.